

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN DŨNG  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31/01/2018.

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vũ Tân Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Sỹ Minh và bà Nguyễn Thị Tin.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên toà:**

Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXX- ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Nơi ĐKKH: Thôn B, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn A, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; (vắng mặt)

STQ: Thôn B, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau ngày 14/10/1998 âm lịch, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y. Sau khi cưới chị về nhà anh T làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau hai con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2013. Nguyên nhân là do anh T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không nghe mà vẫn qua lại với người phụ nữ đó. Bản thân chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả mà ngược lại anh H còn rượu chè và đánh đập chị. Do không chịu đựng được cuộc sống chung như vậy nên chị đã bỏ về nhà đẻ ở từ năm 2013 cho đến nay. Sau khi chị bỏ về nhà đẻ ở thì anh T có gọi chị về đoàn tụ vợ chồng nhưng chị không đồng ý. Anh, chị đã chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân từ

năm 2013 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc quay về chung sống đoàn tụ là không thể. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 14/02/2000 và Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 21/03/2003. Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh T. Nay ly hôn chị đồng ý để anh T được tiếp tục nuôi hai con chung. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H mỗi tháng là 1.000.000 đồng/1 con. Mỗi tháng là 2.000.000 đồng/ 2 con.

Về tài sản, vay nợ, ruộng định xuất: Do không có gì vướng mắc nên chị không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị không còn yêu cầu nào khác.

*Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau năm 1998, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Dũng. Sau khi cưới chị H về nhà anh làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau hai con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2013. Nguyên nhân do thời gian đó chị H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài và anh chị ít quan tâm với nhau. Đến tháng 10/2017 chị H về nước nhưng không quay về đoàn tụ cùng anh nữa mà về thẳng nhà đẻ ở. Khi chị H về nhà đẻ ở thì anh cũng không gọi chị H về đoàn tụ vì anh không đuổi chị đi. Vợ chồng chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng và ly thân được 4 năm nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng có còn cũng không ra gì. Tuy nhiên, chị H xin ly hôn anh không đồng ý vì còn hai con chung nên anh muốn vợ chồng cùng có trách nhiệm nuôi con.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 14/02/2000 và Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 21/03/2003. Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả hai con chung. Anh yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Còn đóng góp bao nhiêu là tùy ở chị H, anh không đưa ra mức cụ thể.

Về tài sản, vay nợ, ruộng định xuất: Do không có gì vướng mắc nên anh không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cũng như xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Khoản 1 điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 điều 48 và khoản 4 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51 và Điều 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56 và Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 14/02/2000 và Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 21/03/2003 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H mỗi tháng là 2.000.000 đồng/2 con kể từ tháng 2 năm 2018 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ngày 22/12/2017 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng tiến hành thụ lý vụ án. Tòa án đã tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn T. Anh T đã viết bản tự khai, tuy nhiên ngày 26/12/2017 anh T đã có đơn đề nghị Tòa án xin được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và khi Tòa án xét xử. Ngày 02/01/2018 chị Nguyễn Thị H cũng có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là đảm bảo theo trình tự thủ tục chung.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau từ ngày 14/10/1998 âm lịch (tức ngày 02/12/1998 dương lịch), khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Dũng. Như vậy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T là đảm bảo theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do vậy là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay không còn

quan hệ gì với nhau, bản thân chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng có còn cũng không ra gì nhưng anh không đồng ý ly hôn. Tòa án đã thông báo về phiên hòa giải nhưng anh T vắng mặt. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình cần giải quyết cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 14/02/2000 và Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 21/03/2003. Hiện nay cả hai con đang ở với anh H. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay chị H đi làm ăn xa, không có ở nhà, bản thân chị H cũng đồng ý để anh T được tiếp tục nuôi hai con. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung nên cần giao cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh T mỗi tháng là 1.000.000 đồng/1 con (tức 2.000.000đ/2 con/tháng) cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự nguyện của chị H, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, ruộng đất: Các bên đương sự không có gì vướng mắc do vậy không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Điều 51, Khoản 1 Điều 53 và Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi hai con là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 14/02/2000 và Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 21/03/2003.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T mỗi tháng là 1.000.000 đồng/1 con (tức 2.000.000đ/tháng) kể từ tháng 02/2018 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu số: AA/2017/0001542 ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Chị Nguyễn Thị H còn phải nộp 300.000đ tiền án sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./.

**Nơi nhân:**

- VKS ND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Vũ Tân Thịnh***